

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và kế hoạch đầu tư công năm 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Năm 2022 có vai trò tạo nền tảng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025, đầu tư công tiếp tục được tỉnh xác định là động lực quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, tạo tác động lan tỏa, tăng cường liên kết vùng, nhất là đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, đề ra nhiều giải pháp tổ chức thực hiện, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xác định rõ việc thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của năm 2022 gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương phân bổ vốn cho các đơn vị theo đúng quy định nhằm tranh thủ thời tiết thuận lợi để triển khai thực hiện dự án, sớm giải ngân nguồn vốn được giao. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/BCSD ngày 18/8/2022 về quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh; đẩy mạnh thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời thành lập Tổ công tác của UBND tỉnh về thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh¹; ban hành 02 Chỉ thị² và hơn 30 văn bản³ đôn đốc, chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương và các chủ đầu tư các giải pháp cụ thể nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

¹ Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh

² Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2022 và số 03/CT-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh

³ Các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể: 512/UBND-TH ngày 11/02/2022; 519/UBND-TH ngày 13/02/2022; 522/UBND-TH ngày 14/02/2022; 573/UBND-TH ngày 16/02/2022, 647/UBND-TH ngày 23/02/2022; 685/UBND-TH ngày 24/02/2022; 979/UBND-TH ngày 11/3/2022; 40/TB-UBND ngày 15/3/2022, 1075/UBND-TH ngày 17/3/2022; 1082/UBND-TH ngày 18/3/2022; 1098/UBND-TH ngày 18/3/2022; 1115/UBND-TH ngày 21/3/2022; 1286/UBND-TH ngày 28/3/2022; 1388/UBND-TH ngày 04/4/2022; 1509/UBND-KT ngày 08/4/2022, 1657/UBND-TH ngày 15/4/2022; 1850/UBND-TH ngày 26/4/2022; 80/TB-UBND ngày 10/5/2022; 84/TB-UBND ngày 19/5/2022; 2617/UBND-TH ngày 09/6/2022, 114/TB-UBND ngày 27/6/2022; 4516/UBND-TH ngày 16/9/2022; 4486/UBND-TH ngày 16/9/2022, 193/TB-UBND ngày 26/9/2022, 208/TB-UBND ngày 13/10/2022, 5816/UBND-TH ngày 14/11/2022,...

Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sát sao, thường xuyên, liên tục kiểm tra thực địa các dự án đầu tư đang gặp khó khăn, các dự án vướng mắc giải phóng mặt bằng để thúc đẩy tiến độ thực hiện và nâng cao tỷ lệ giải ngân của tỉnh. Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành và địa phương, các chủ đầu tư dự án tập trung chỉ đạo, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022. Phân công các đồng chí lãnh đạo theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân từng dự án theo từng ngành, lĩnh vực phụ trách, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nhiệm vụ vượt thẩm quyền.

Việc nâng cao năng lực, trách nhiệm thực thi công vụ, gắn trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc với tiến độ thực hiện giải ngân và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả giải ngân cũng như hiệu quả đầu tư của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được xem là giải pháp căn cơ, mang tính lâu dài để tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư công. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nội vụ nghiên cứu, đề xuất bổ sung tỷ lệ giải ngân là một trong những tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh.

2. Công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công

Công tác lập, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được thực hiện bảo đảm theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; bám sát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với khả năng cân đối, lồng ghép các nguồn lực đầu tư nhằm phát huy hiệu quả đầu tư⁴.

Vốn đầu tư công được bố trí tập trung, theo hướng hoàn thành dứt điểm các hạng mục chính, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài làm chậm tiến độ hoàn thành các dự án. Đối với các dự án khởi công mới đều được bố trí vốn khi đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án và căn cứ vào khả năng nguồn vốn cân đối mới được triển khai đấu thầu, tổ chức thi công.

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh là 3.642,222 tỷ đồng; trong đó: (1) Kế hoạch được giao từ đầu năm là 2.798,93 tỷ đồng⁵; (2) Kế hoạch thực hiện 03 Chương trình MTQG được giao bổ sung là 415,492 tỷ đồng⁶; (3) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2022 được giao bổ sung là 247,8 tỷ đồng⁷.

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 được tỉnh giao là 4.122,222 tỷ đồng (Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng 480 tỷ đồng từ nguồn thu

⁴ Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 402/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2022 và Bộ Tài chính có văn bản số 1726/BTC-ĐT ngày 22/02/2022 đánh giá phương án phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2022 của tỉnh Quảng Trị đảm bảo theo đúng quy định pháp luật đầu tư công.

⁵ Tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ

⁶ Tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ

⁷ Tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ

đầu giá quyền sử dụng đất), bằng 113% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó: (1) Kế hoạch được giao đầu năm là 3.458,93 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao⁸; (2) Kế hoạch thực hiện 03 Chương trình MTQG giao bổ sung là 415,492 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; (3) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2022 giao bổ sung là 247,8 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết là 4.075,9 tỷ đồng, bằng 98,8% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao. Kế hoạch chưa phân bổ là 46,622 tỷ đồng từ nguồn bội chi ngân sách địa phương do phân bổ theo tiến độ thực hiện của các dự án ODA.

3. Công tác thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công

Xác định đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công là một trong những giải pháp chủ yếu góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng, phục hồi mạnh kinh tế xã hội sau thời gian dài chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 nên công tác thanh toán, giải ngân vốn đầu tư công được Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo ngay từ những tháng đầu năm.

Cơ quan quản lý, cấp phát vốn cấp tỉnh, cấp huyện đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản chi đầu tư XDCB, phối hợp tốt với các đơn vị chủ đầu tư hoàn thành các hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng thực hiện các dự án được giao; đẩy mạnh giải ngân đi đôi với thu hồi tạm ứng, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; đẩy mạnh giao dịch qua dịch vụ công trực tuyến. Nhiều chủ đầu tư các công trình, dự án cũng tích cực chỉ đạo để triển khai thực hiện các công trình, dự án đã được bố trí vốn.

Tính đến ngày 20/11/2022, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 là 1.558,883 tỷ đồng, đạt 45,7% kế hoạch tỉnh giao đầu năm và đạt 53% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm.

Dự kiến một số nguồn vốn thực hiện không đạt so với kế hoạch được giao, cụ thể: Nguồn vốn nước ngoài NSTW do các dự án ODA gặp nhiều vướng mắc, các đề xuất chậm được Trung ương, nhà tài trợ giải quyết⁹; Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương do thực hiện tương ứng với kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát; Nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất ở cấp tỉnh quản lý do thị trường bất động sản những tháng cuối năm khó khăn¹⁰; Nguồn vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG và nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung do Thủ tướng Chính phủ giao muộn¹¹.

Trên cơ sở cam kết của các chủ đầu tư và tổ chức thực hiện hoàn thành công tác đấu thầu, trao thầu một số dự án có tổng mức đầu tư lớn, dự kiến kế

⁸ Trong đó: ngân sách địa phương 1.718,91 tỷ đồng và ngân sách trung ương 1.740,02 tỷ đồng.

⁹ Tỉnh đã có văn bản trình Trung ương xem xét điều chỉnh giảm kế hoạch 2022 là 372,273 tỷ đồng

¹⁰ Trung tâm PTQĐ tỉnh có văn bản số 1392/TTPTQĐ-KH ngày 21/11/2022 báo cáo khả năng phán đấu số thu năm 2022 thực hiện đến ngày 31/12/2022 đạt 330 tỷ đồng.

¹¹ Vốn Chương trình MTQG giao vào đầu tháng 6 và vốn NSTW bổ sung vào cuối tháng 10 năm 2022

hoạch 2022 giải ngân đạt 82,7% kế hoạch tỉnh giao đầu năm và đạt 96,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm.

4. Công tác điều chuyển vốn đầu tư công

Quá trình điều hành, tổ chức thực hiện, việc điều chuyển nội bộ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 được Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kịp thời, đảm bảo quy trình, thủ tục và đúng thẩm quyền nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình, dự án và giải ngân nguồn vốn đầu tư công của toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và của Hội đồng nhân dân tỉnh; căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn của các công trình, dự án kế hoạch 2022 trong nội bộ nguồn vốn từ những dự án không có khả năng giải ngân sang các dự án giải ngân tốt, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định tại Luật Đầu tư công; cụ thể:

+ Nguồn vốn ngân sách địa phương: thực hiện 03 đợt điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn 2022 với tổng số vốn điều chỉnh là 96,842 tỷ đồng¹²; 01 đợt điều chuyển kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022 với số vốn 18,529 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách trung ương: thực hiện 04 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 167,55 tỷ đồng¹³;

+ Nguồn vốn nước ngoài: thực hiện 03 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 54,567 tỷ đồng¹⁴.

+ Chuyển các khoản tiết kiệm chi năm 2021 sang năm 2022¹⁵ để trả nợ khối lượng hoàn thành công trình với số vốn 4,088 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, do khó khăn trong quá trình thực hiện, dự kiến một số dự án ODA không thể giải ngân hết kế hoạch vốn được giao, trong bối cảnh không có dự án nào có khả năng hấp thụ; thực hiện quy định tại Điều 67 Luật Đầu tư công 2019, Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ và văn bản số 6224/VPCP-QHQT ngày 20/9/2022; ngày 23/9/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 164/TTr-UBND báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2022 của tỉnh với số vốn 372,273 tỷ đồng.

5. Tình hình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hoàn thiện hệ thống văn bản nhằm tạo cơ sở pháp lý và điều kiện triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả cao. Cụ thể: Quyết định thành lập và quy

¹² Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15/4/2022; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 18/10/2022

¹³ Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 21/6/2022, Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 23/9/2022, Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 1/11/2022, Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 14/11/2022

¹⁴ Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 13/6/2022, Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 20/7/2022, Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 8/8/2022

¹⁵ Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

chế hoạt động của Ban chỉ đạo tỉnh¹⁶; 06 Nghị quyết¹⁷ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn, phân bổ và giao bổ sung kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; 09 Quyết định¹⁸ về kế hoạch thực hiện và giao kế hoạch vốn các Chương trình MTQG, danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù; các văn bản¹⁹ hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình MTQG. Riêng đối với Quy định về tỷ lệ các dự án áp dụng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đang chỉ đạo các ngành và UBND các huyện xây dựng, tổng hợp để trình kỳ họp cuối năm của HĐND tỉnh thông qua.

Việc kiện toàn bộ máy tham mưu giúp việc các cấp được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện. Cấp tỉnh đã thực hiện kiện toàn Văn phòng điều phối nông thôn mới²⁰; thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025²¹ và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi. Cấp huyện đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo để quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương

¹⁶ Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh và hoạt động theo quy chế được ban hành tại Quyết định số 1499/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 06/6/2022 của Trưởng Ban chỉ đạo các CT MTQG

¹⁷ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, số 22/2022/NQ-HĐND, số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022, ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn NSNN trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình MTQG; Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG, giữa các chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình MTQG; Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 bổ sung dự toán thu, chi NSDP nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các chương trình MTQG năm 2022

¹⁸ Các Quyết định giao vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 Chương trình: số 1702/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; số 1704/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 và số 1705/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 01/7/2022 triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 Danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 ban hành quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

¹⁹ Chương trình hành động số 17/CTr-UBND ngày 25/3/2022 thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về phê duyệt danh sách các xã chỉ đạo điểm của tỉnh xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về Phân công địa bàn đỡ đầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 1738/QĐ-UBND, 1739/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 về Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và số 543/QĐ-UBND ngày 17/2/2022 phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

²⁰ Theo hướng dẫn số 01/BCĐ-CTMTQG ngày 14/4/2022 của Ban chỉ đạo trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và văn bản số 1704/UBND-TH ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

²¹ Quyết định 1867/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 15/7/2022 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh.

trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Cấp xã đang hoàn thiện việc thành lập mới hoặc kiện toàn Ban quản lý xã trên cơ sở các thành viên Ban quản lý xã thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020

Căn cứ các văn bản giao vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương: (1) giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 với tổng vốn 1.501,025 tỷ đồng²²; (2) phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2022 với tổng số vốn 415.492 tỷ đồng²³; (3) phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện 03 chương trình MTQG với tổng vốn 143,524 tỷ đồng²⁴ cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo đúng quy định.

6. Công tác đấu thầu:

Công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và nội dung quy định của pháp luật về đấu thầu. Tính cạnh tranh và hiệu quả trong đấu thầu ngày càng được nâng lên. Việc lập, trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của các dự án sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo theo đúng nguyên tắc, biểu mẫu quy định.

Quá trình đấu thầu đã thực hiện phân chia gói thầu và lập hồ sơ mời thầu theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện năng lực của nhà thầu trong nước, các tiêu chí ưu đãi, cách tính giá trị ưu đãi, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho các doanh nghiệp, góp phần tạo việc làm cho người lao động. Việc đăng tải thông tin trong đấu thầu được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

Công tác đấu thầu qua mạng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đã có sự cải thiện đáng kể, góp phần đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả trong đấu thầu. Theo thống kê của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, số liệu đấu thầu qua mạng 9 tháng đầu năm 2022²⁵ như sau: Tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng đạt 97,44% (418/429 gói thầu) và tỷ lệ về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng đạt 79,04% (1.462,82/1.850,63 tỷ đồng), vượt chỉ tiêu Trung ương đề ra²⁶.

7. Một số khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022:

Trong những tháng đầu năm 2022, diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; thời tiết mưa lũ dị thường; giá nguyên, nhiên liệu và nhiều vật liệu

²² Trong đó: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 735,782 tỷ đồng; Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là 362,173 tỷ đồng; Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới là 403,070 tỷ đồng,

²³ Trong đó: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 150,630 tỷ đồng; Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là 123,622 tỷ đồng; Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 141,240 tỷ đồng;

²⁴ Trong đó: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 65,684 tỷ đồng; Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững 50,64 tỷ đồng, Chương trình MTQG nông thôn mới 27,2 tỷ đồng.

²⁵ Cập nhật từ Hệ thống đấu thầu quốc gia (ngày 21/11/2022)

²⁶ Tối thiểu 80% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh và tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 70% tổng giá trị các gói thầu được đấu thầu qua mạng

xây dựng tăng đột biến khiến nhiều công trình phải giãn tiến độ, thi công “cầm chừng” đa ảnh hưởng đến việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công.

Nhu cầu đất làm vật liệu san lấp cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh rất lớn²⁷ nhưng nguồn cung đất đắp chưa đảm bảo, tiến độ, thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ đất mới mất nhiều thời gian đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ đắp nền và thi công của nhiều công trình trên địa bàn tỉnh. Hiện nay nguồn cung cấp vật liệu đất đắp trên địa bàn gồm²⁸: 03 mỏ đã được cấp giấy phép khai thác²⁹ với trữ lượng khai thác 2.953.513 m³; 14 mỏ khai thác đất tận thu từ các hoạt động nạo vét lòng hồ thủy lợi đã được cấp giấy phép³⁰ nhưng hoạt động khai thác phụ thuộc vào thời tiết nên khối lượng không ổn định, không đảm bảo tính liên tục để phục vụ tiến độ thực hiện dự án; 16 mỏ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyền khai thác khoáng sản nhưng đến nay chỉ có 08 mỏ nộp hồ sơ để thực hiện các thủ tục tiếp theo, dự kiến nhanh nhất đến tháng 8/2023 mới có thể khai thác. Bên cạnh đó, một số điểm mỏ đã được cấp phép khai thác nhưng có cự ly vận chuyển quá xa, làm phát sinh lớn chi phí vận chuyển và không phù hợp để tính toán xác định chi phí đầu tư; giá đất san lấp chưa được các cơ quan chức năng công bố giá nên có tình trạng nâng giá vật liệu so với giá niêm yết, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện³¹.

Giải ngân vốn đầu tư công có tính đặc thù là cần thời gian để thi công, tích lũy khối lượng đủ để nghiệm thu, thanh toán và phụ thuộc vào tiến độ hợp đồng, tạm ứng của dự án. Năm 2022 là năm thứ hai triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng thực chất là năm đầu tiên triển khai do kế hoạch đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ giao vào tháng 9/2021 nên kế hoạch 2022 triển khai khởi công mới nhiều dự án. Theo quy định của pháp luật xây dựng, các dự án thiết kế 02 bước khi được bố trí vốn đầu năm phải mất khoảng từ 6 đến 8 tháng (đối với các dự án không vướng mắc giải phóng mặt bằng) để triển khai các thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán mới đủ điều kiện để tổ chức đấu thầu thi công nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh.

Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập, nan giải gây trở ngại rất lớn cho hoạt động đầu tư. Nhiều dự án có kế hoạch vốn giao khá lớn nhưng chậm được giải ngân do vướng mắc trong công tác GPMB³² vì các hộ dân không đồng thuận với phương án đền bù, giá đất biến

²⁷ Theo Văn bản số 1559/SXD-HTKT ngày 22/7/2022 của Sở Xây dựng, tổng nhu cầu đất làm vật liệu san lấp công trình trên toàn tỉnh khoảng 8.330.000 m³

²⁸ Theo báo cáo của Sở Xây dựng tại văn bản số 2461/BC-SXD ngày 4/11/2022 về việc công bố giá vật liệu đất đắp phục vụ các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn

²⁹ Mỏ đất san lấp Hải Trường 2, Mỏ đá Vĩnh Hòa, Mỏ đá Hải Lệ. KL đã khai thác đến 20/9/2022 là 186.053 m³

³⁰ Tổng khối lượng khai thác đến 20/9/2022 là 841.835 m³.

³¹ Theo số liệu do TTPTQĐ tỉnh báo cáo (tại văn bản 1274/TTPTQĐ-KH ngày 27/10/2022 về giá đất làm vật liệu san lấp cho các công trình trên địa bàn tỉnh): giá đất san lấp công trình tại mỏ (chưa bao gồm thuế, phí) theo dự toán phê duyệt thời điểm tháng 10/2022 là 20.510 đồng/m³. Trong khi giá thông báo của một số doanh nghiệp khai thác thời điểm tháng 9/2022 tại khu vực Gio Linh (chưa bao gồm thuế, phí) là 45.900-55.000 đồng/m³ (Báo giá của Công ty cổ phần Trường Danh ngày 28/9/2022)

³² Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 (110 tỷ đồng); Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (409 tỷ đồng); Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (202 tỷ đồng); Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 (123 tỷ

động tăng quá cao, đơn giá thay đổi so với giá bồi thường, hỗ trợ được nhà nước quy định; công tác quản lý đất đai ở cơ sở còn hạn chế; vướng mắc trong công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, trồng rừng thay thế; nhân sự làm công tác GPMB tại các Ban quản lý dự án ít lại kiêm nhiệm nhiều việc,... đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện, không đảm bảo bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ cam kết cho chủ đầu tư, nhà thầu thi công dự án dẫn đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản chậm được triển khai.

Từ giữa quý III/2022, thị trường bất động sản trầm lắng và gặp nhiều khó khăn; nhiều phiên đấu giá có rất ít khách hàng quan tâm tham gia đấu giá³³. Bên cạnh đó, giá bất động sản trên thị trường có chiều hướng giảm sâu so với thời điểm năm 2021 và có tình trạng người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá (bỏ cọc) tại một số địa phương trong tỉnh đã tác động tiêu cực đến các phiên đấu giá trong những tháng cuối năm. Do đó, đối với nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở cấp tỉnh quản lý dự kiến thực hiện không đạt so với kế hoạch đề ra dẫn đến một số công trình, dự án không có vốn để triển khai thực hiện.

Các dự án ODA ngoài việc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật trong nước, còn phải thực hiện thêm các hồ sơ thủ tục đầu tư, rút vốn, giải ngân, theo các cam kết với Nhà tài trợ dẫn đến quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư, rút vốn, giải ngân mất rất nhiều thời gian, công đoạn. Một số dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư, thời gian lấy ý kiến không phản đối của các nhà tài trợ kéo dài³⁴; thực hiện nghiệm thu công đoạn trong khi quá trình giải ngân phụ thuộc vào nghiệm thu khối lượng³⁵; chờ được Ban quản lý dự án Trung ương cấp vốn³⁶; việc thực hiện theo các quy định bổ sung trong sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án ODA còn lúng túng và mất nhiều thời gian³⁷; đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác giải ngân kế hoạch vốn được giao.

Kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG được trung ương phân bổ cuối tháng 5/2022 và tỉnh hoàn thành giao vào cuối tháng 6/2022 nên đến nay, các ngành và các địa phương đang tập trung triển khai thực hiện. Mặt khác, các quy định, cơ chế chính sách để triển khai các Chương trình MTQG ban hành chậm, các Bộ ngành vẫn chưa ban hành đầy đủ các văn bản các hướng dẫn thực hiện chương trình³⁸ dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc ban hành các

đồng); Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt (54 tỷ đồng); Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt (19 tỷ đồng);

³³ Số lô đấu giá thành công tại các phiên đấu giá: ngày 30/7/2022 chỉ có 07/31 lô; ngày 28/8/2022 chỉ có 05/24 lô; ngày 22/10/2022 chỉ có 05/21 lô; ngày 29/10/2022 chỉ có 03/17 lô.

³⁴ Cơ chế ký kết, thanh toán đối với nhiều hợp đồng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải có ý kiến không phản đối của nhà tài trợ

³⁵ Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu ven biển tỉnh Quảng Trị (FMCR)

³⁶ Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) đến hết tháng 10/2022 vẫn chưa được BQL dự án 6 thuộc Bộ GTVT cấp vốn để thực hiện giải ngân.

³⁷ Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu ven biển tỉnh Quảng Trị (FMCR)

³⁸ Cụ thể:

+ Chính phủ chưa ban hành quy định định mức đầu tư thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN bao gồm: hỗ trợ đất ở; hỗ trợ nhà ở; hỗ trợ đất sản xuất; đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung; đầu tư kiên cố hóa đường đến trung tâm xã chưa được kiên cố hóa, đường liên xã; hỗ trợ, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa chợ...;

quy định, cơ chế, chính sách triển khai. Bên cạnh đó, thực hiện Văn bản số 839/BKHĐT-TH ngày 11/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, căn cứ đề xuất của các đơn vị, địa phương; UBND tỉnh có Tờ trình số 19a/TTr-UBND ngày 14/02/2022 về việc bổ sung vốn kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSTW năm 2022 từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với tổng vốn 267,8 tỷ đồng để đẩy nhanh tiến độ. Tại thời điểm tình hình bổ sung, các dự án dự kiến ngay sau khi được Trung ương bổ sung vốn sẽ đẩy nhanh tiến độ thực hiện và cam kết giải ngân hết số vốn của kế hoạch 2022 được giao (bao gồm số vốn được Trung ương bổ sung). Tuy nhiên, đến ngày 12/10/2022 Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 1198/QĐ-TTg bổ sung 247,8 tỷ đồng kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho tỉnh nên từ thời điểm đề xuất đến khi được bổ sung, các dự án thực hiện “cầm chừng”. Cùng với đó đặc thù của các tỉnh miền trung các tháng cuối năm là mùa mưa bão, khó khăn trong quá trình thi công công trình nên rất khó có thể khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022 được bổ sung.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua, đánh dấu giai đoạn tăng tốc và bứt phá trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025. Dự báo tình hình chính trị, kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai, thời tiết có nhiều tác động bất lợi; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, năng lực cạnh tranh hạn chế, năng suất lao động còn thấp. Trong bối cảnh đó, đầu tư công tiếp tục đóng vai trò chủ chốt, dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội và là “cú hích” cho phục hồi kinh tế; với khả năng nguồn lực có hạn cần tập trung vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngay từ khâu lập kế hoạch đến quá trình triển khai thực hiện.

1. Định hướng kế hoạch đầu tư công năm 2023

Kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết

+ Trung ương Hội LHPN Việt Nam chưa xây dựng các tài liệu mô hình, sổ tay hướng dẫn triển khai dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN để các cấp Hội triển khai các nội dung dự án đảm bảo tiến độ kế hoạch.;

+ Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ cộng đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Bộ Xây dựng chưa ban hành quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù.

+ Bộ Lao động Thương binh và xã hội Chưa có hướng dẫn cụ thể về đối tượng áp dụng trong đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng (người lao động có thu nhập thấp; đối tượng được hỗ trợ tại Quyết định số 90/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg không giống nhau)

thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về định hướng phát triển của địa phương; Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023.

Kế hoạch đầu tư công năm 2023 được xây dựng theo tinh thần tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp quản lý nguồn vốn gắn với phân cấp quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương và gắn trách nhiệm toàn diện theo phân cấp.

Nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để phát huy hiệu quả đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm; dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng đến công tác hậu kiểm đối với kế hoạch đầu tư công năm 2023, bảo đảm tuân thủ các quy định và hiệu quả đầu tư công.

Ưu tiên bố trí vốn cho dự án quan trọng, dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa từng vùng lãnh thổ. Đầu tư các dự án cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về kinh tế - xã hội giữa các vùng, miền; các dự án để giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh và các vấn đề cấp thiết khác.

Phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Nguyên tắc, tiêu chí dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023

Danh mục dự án bố trí vốn năm 2023 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế giải ngân vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân các năm 2021 và 2022 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2023 và đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn như sau:

- Ưu tiên bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, thanh toán khối lượng hoàn thành (nếu có);

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ được phê duyệt; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư theo tiến độ được phê duyệt. Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2023.

- Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023 theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phấn đấu đẩy nhanh tiến độ thực hiện sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả.

- Bố trí vốn cho các dự án trọng điểm có sức lan tỏa rộng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương.

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí cho các dự án khởi công mới, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư khi có đủ thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, được chuẩn bị kỹ để sẵn sàng triển khai thực hiện.

3. Dự kiến phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương kế hoạch 2023

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2023 và văn bản số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 của tỉnh là 1.760,733 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch 2023 Trung ương dự kiến, cụ thể:

- Vốn trong nước dự kiến 1.350,817 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch 2023 Trung ương dự kiến; trong đó:

+ Dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững: dự kiến 160 tỷ đồng thực hiện Dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1);

+ Đầu tư theo ngành, lĩnh vực: dự kiến 661,7 tỷ đồng³⁹ thực hiện 26 dự án đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó: (1) Dự kiến 111 tỷ đồng thực hiện 03 dự án hoàn thành trong năm 2023; (2) Dự kiến 465,7 tỷ đồng thực hiện 19 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 theo đúng tiến độ thực hiện và thời gian bố trí vốn quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công; (3) Dự kiến 85 tỷ đồng thực hiện 04 dự án khởi công mới.

³⁹ Dự kiến vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực kế hoạch 2023 được HĐND tỉnh thông qua là 873,836 tỷ đồng và Trung ương thông báo là 661,7 tỷ đồng (giảm 212,136 tỷ đồng). Tuy nhiên, ngày 12/10/2022 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1198/QĐ-TTg bổ sung vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực kế hoạch 2022 cho tỉnh là 247,8 tỷ đồng. Do đó căn cứ vào tình hình thực hiện các đợt điều chỉnh kế hoạch 2022 sau thời điểm xin ý kiến của HĐND tỉnh, tiến độ triển khai phê duyệt các dự án dự kiến khởi công mới năm 2023; danh mục dự án được UBND tỉnh phân bổ bổ sung tại Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 và dự kiến kế hoạch 2023 tại Báo cáo số 218/BC-UBND ngày 14/10/2022 đảm bảo theo đúng danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự kiến.

+ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: dự kiến 161 tỷ đồng thực hiện 02 dự án⁴⁰.

+ Chương trình MTQG: 368,117 tỷ đồng; trong đó: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 192,739 tỷ đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 79,518 tỷ đồng; Chương trình MTQG nông thôn mới 95,86 tỷ đồng. Các Chương trình MTQG được phân bổ chi tiết cho từng dự án, tiêu dự án, nội dung, hoạt động của từng Chương trình theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức vốn phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình MTQG quy định tại các Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, 22/2021/NQ-HĐND, 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/05/2022 và kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*có biểu phụ lục dự kiến phân bổ kế hoạch 2023 của các Chương trình MTQG đính kèm*).

- Vốn nước ngoài dự kiến 409,916 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch 2023 Trung ương dự kiến. Ưu tiên tập trung bố trí vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2023; dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023 theo tiến độ phê duyệt; số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án mới đã ký Hiệp định và có khả năng giải ngân trong năm 2022.

4. Dự kiến phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương kế hoạch 2023

4.1 Theo Văn bản số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023: nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh là 1.329,012 tỷ đồng, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 416,312 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 72,7 tỷ đồng.

4.2 Căn cứ vào khả năng thu thực tế và nhu cầu chi đầu tư phát triển của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh là 1.334,012 tỷ đồng (tăng 05 tỷ đồng từ nguồn XSKT), bằng 100,4% kế hoạch Trung ương dự kiến; trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 416,312 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương dự kiến;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương dự kiến; trong đó:

+ Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại TP Đông Hà (do TTPTQĐ tỉnh thực hiện) 350 tỷ đồng. Thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh đang trong giai đoạn trầm lắng, giá đất giảm so với thời điểm cuối năm 2021, các đợt đấu giá của tỉnh không có khách hàng tham gia. Trung tâm PTQĐ tỉnh

⁴⁰ Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị, 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện và 07 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Trị; Mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế tỉnh Quảng Trị

dự kiến số thu kế hoạch 2022 đạt 330 tỷ đồng và dự kiến kế hoạch 2023 là 350 tỷ đồng⁴¹;

+ Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng 50 tỷ đồng. Căn cứ tình hình thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu cho nhà đầu tư sử dụng trên địa bàn của tỉnh; quy trình để hoàn thiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cần rất nhiều thời gian (khoảng 12 tháng) nên dự kiến thu từ việc đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng diễn ra chậm trễ⁴². Dự kiến những tháng đầu năm 2023 thu khoảng 50 tỷ đồng và trong điều kiện thuận lợi dự kiến cuối năm 2023 số thu sẽ được tiếp tục bổ sung. Trong trường hợp đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung dự toán thu năm 2023 để phân bổ kế hoạch 2023 cho các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn này.

+ Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo 10 tỷ đồng. Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao 20 tỷ đồng và kế hoạch các năm 2021, 2022 giao 07 tỷ đồng; trong đó, số thu năm 2022 đến nay là 41,9 tỷ đồng, vượt số thu kế hoạch trung hạn và kế hoạch 2022 được giao. Do đó kế hoạch 2023 dự kiến giao 10 tỷ để thực hiện các dự án đã được HĐND tỉnh giao trung hạn giai đoạn 2021-2025

+ Cấp huyện quản lý dự kiến 390 tỷ đồng trên cơ sở tính toán, đề xuất của các địa phương.

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 45 tỷ đồng, bằng 112,5% kế hoạch Trung ương dự kiến. Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao 200 tỷ đồng (bình quân 40 tỷ đồng/năm). Kế hoạch 2021 được giao 40 tỷ đồng nhưng do dự kiến khả năng thu từ hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên đã điều chỉnh giảm kế hoạch còn 35,3 tỷ đồng⁴³. Do đó, nhằm đạt mục tiêu cân đối chung kế hoạch trung hạn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao và đảm bảo bố trí đủ vốn cho các công trình dự án nhóm C (bố trí 3 năm 2012-2023) dự kiến kế hoạch 2023 là 45 tỷ đồng⁴⁴.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 72,7 tỷ đồng, 100% kế hoạch Trung ương dự kiến. Thực hiện theo nhu cầu và khả năng vay để bù đắp bội chi thực tế trong quá trình điều hành ngân sách nhưng không vượt quá hạn mức được Thủ tướng Chính phủ giao.

4.3 Phương án phân bổ cụ thể như sau:

⁴¹ Dự kiến thu từ các dự án: Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây, TP Đông Hà: khoảng 35 tỷ; Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3: khoảng 65 tỷ; Xây dựng CSHT khu vực Bắc sông Hiếu: khoảng 195 tỷ; Khu đô thị Đông đường Thành Cổ: 40 tỷ; Khu Biên phòng tỉnh: 15 tỷ

⁴² Dự kiến thu từ các dự án: Khu dân cư mới phường 1, thành phố Đông Hà; Nhà ở thương mại tại Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1; Trung tâm thương mại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 (Khu CC4)

⁴³ Thực tế nguồn thu vốn xổ số kiến thiết năm 2021 đạt 41,066 tỷ đồng; vượt so với kế hoạch ban đầu là 1,066 tỷ đồng và so với kế hoạch sau điều chỉnh giảm là 5,766 tỷ đồng. Đối với nguồn vốn vượt 5,766 tỷ đồng đã được Sở Tài chính tham mưu bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết.

⁴⁴ Ngày 21/11/2022, tại buổi họp có sự tham gia đại diện lãnh đạo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Trị đã thống nhất dự kiến kế hoạch vốn XSKT năm 2023 là 45 tỷ đồng (trong đó: nguồn thu từ Công ty là 42 tỷ đồng và từ Vietlot là 3 tỷ đồng).

* **Nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí:** dự kiến phân bổ 416,312 tỷ đồng cụ thể như sau:

- Dự phòng: 35,295 tỷ đồng đầu tư, chiếm 8,5% tổng vốn; dự kiến hoàn thành 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao từ nguồn dự phòng trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 3,895 tỷ đồng⁴⁵ và sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho các nhiệm vụ, dự án cần đẩy nhanh tiến độ, cần triển khai thực hiện trong năm 2023 với số vốn 31,4 tỷ đồng

- Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ): 91,588 tỷ đồng, chiếm 22% tổng vốn.

- Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD - ĐT và KH-CN): 63,971 tỷ đồng, chiếm 15% tổng vốn; trong đó:

+ Nhiệm vụ quy hoạch: 30 tỷ đồng;

+ Ưu đãi đầu tư: 02 tỷ đồng.

+ Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương 31,971 tỷ đồng;

- Số vốn còn lại là 225,458 tỷ đồng, chiếm 54% tổng vốn, trong đó: Tỉnh quản lý (60%) 135,275 tỷ đồng, chiếm 32% và phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý (40%) 90,183 tỷ đồng, chiếm 22% tổng vốn.

* **Nguồn thu sử dụng đất:** dự kiến phân bổ 800 tỷ đồng cụ thể như sau:

a. Phần vốn do cấp tỉnh quản lý: 530 tỷ đồng

- Đối với 350 tỷ đồng thu tại thành phố Đông Hà (do Trung tâm PTQĐ tỉnh thực hiện): sau khi dành 52,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và Quỹ phát triển đất, số còn lại 297,5 tỷ đồng, phân bổ:

+ Các công trình phát triển quỹ đất là 158,4 tỷ đồng (chiếm 45 %);

+ Các công trình phát triển kinh tế xã hội là 139,1 tỷ đồng, (chiếm 40%).

- Đối với 50 tỷ đồng thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê: sau khi dành 7,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và Quỹ phát triển đất; còn lại 42,5 tỷ đồng dự kiến các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo nguyên tắc dự kiến hoàn thành các dự án theo đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các dự án chuyển tiếp cầm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, khởi công mới kế hoạch 2023 sẽ được trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch khi nguồn thu này được giao bổ sung dự toán năm 2023

- Đối với 10 tỷ đồng thu tại Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo: sau khi dành 1,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và Quỹ phát triển đất; số vốn còn lại 8,5 tỷ đồng dự kiến phân bổ thực hiện các dự án thuộc Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo.

b. Phần vốn do cấp huyện quản lý: 390 tỷ đồng giao UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động phân bổ theo Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND

⁴⁵ Đường nối cầu An Mô vào khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn

ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

*** Nguồn thu xổ số kiến thiết:** dự kiến phân bổ 45 tỷ đồng cụ thể như sau:

- Đầu tư cho giáo dục - đào tạo 10 tỷ đồng, chiếm 22%;
- Đầu tư cho y tế 20,5 tỷ đồng, chiếm 46%;
- Đầu tư phúc lợi xã hội 8,5 tỷ đồng, chiếm 19%
- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 6 tỷ đồng, chiếm 13%.

(Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương như các biểu kèm theo)

5. Giải pháp tổ chức thực hiện

5.1. Giải pháp chung

Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh; tranh thủ kịp thời các nguồn lực từ ngân sách trung ương; đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, cung cấp dịch vụ công, ... nhằm huy động, bổ sung thêm nguồn vốn để tạo bước đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 gắn với quản lý chất lượng công trình để kích thích sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội cần thiết nhằm nâng cao sức cạnh tranh, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội khác

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không thực hiện và giải ngân hết số vốn bố trí hay bị cắt giảm, thu hồi. Đồng thời, kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ, chất lượng công trình xây dựng, chậm giao nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết; chịu trách nhiệm tự thu xếp nguồn vốn để thực hiện phần khối lượng tương ứng với phần vốn bị cắt giảm (nếu có).

Nghiêm cấm việc phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; chỉ thực hiện khối lượng công việc trong phạm vi kế hoạch vốn đã giao; tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo nguồn lực thực hiện và phù hợp với tiến độ chung của dự án. Nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có chế tài xử lý vi phạm đối với các đơn vị, địa phương và cá nhân trong việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư không đúng thẩm quyền và khi chưa xác định được nguồn vốn cũng như khả năng cân đối vốn; quyết định đầu tư khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc không đúng với chủ trương đầu tư phê duyệt.

Tập trung chỉ đạo, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng; hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo hướng chủ động, linh hoạt; làm gọn từng phần, kiểm đếm đến đâu thì thẩm định, phê duyệt, chi trả tới đó; có mặt bằng sạch tới đâu thì triển khai

thi công đến đó; chủ động nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các chế độ, chính sách trong công tác giải phóng mặt bằng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đối với các dự án nhà nước thực hiện thu hồi đất; tăng cường công tác quản lý đất đai, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm; thực hiện công khai, minh bạch thông tin trong công tác quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý thủ tục về đầu tư công; đơn giản hóa các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư công. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng.

5.2. Giải pháp cụ thể:

5.2.1. Đối với các chủ đầu tư:

Ngay từ đầu năm 2023, xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện quyết liệt để đạt mục tiêu đề ra; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng trong chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án từ khâu chuẩn bị dự án, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đến khâu thực hiện dự án; thường xuyên rà soát, đôn đốc, kiểm tra, kịp thời phát hiện và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc phát sinh của từng dự án; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân trong việc phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công. Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của đơn vị mình.

Xây dựng kế hoạch thực hiện, giải ngân cụ thể đối với từng dự án để theo dõi tiến độ chặt chẽ, xác định rõ công việc, các mốc thời gian hoàn thành theo từng tháng, quý, phân công cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm, nhất là các dự án lớn, trọng điểm để kiểm soát chặt chẽ về tiến độ và hồ sơ, thủ tục. Đối với các dự án khởi công mới, đảm bảo hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định, tổ chức khởi công chậm nhất vào cuối quý I hoặc đầu quý II năm 2023.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công, các đơn vị liên quan tập trung nhân lực, nguyên vật liệu, thiết bị đẩy nhanh tiến độ thực hiện để giải ngân kế hoạch vốn được giao. Yêu cầu nhà thầu phải có văn bản cam kết tiến độ thực hiện đối với từng hạng mục công trình, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm việc vi phạm về tiến độ cũng như chất lượng công trình; trường hợp cần thiết, chấm dứt hợp đồng và thay thế ngay các nhà thầu khác.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành và địa phương để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác lập phương án, tổ chức triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án do mình làm chủ đầu tư, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để chỉ đạo, định hướng giải quyết ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

Thực hiện tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo đúng quy định và ngay khi có khối lượng; không để phát sinh nợ đọng xây

dựng cơ bản. Chủ động rà soát đề nghị điều chuyển vốn theo quy định giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo định kỳ quy định; nâng cao chất lượng nội dung báo cáo, số liệu trong báo cáo phải đầy đủ và trung thực.

5.2.2. Sở Tài nguyên Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xác định công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là nút thắt quan trọng trong triển khai dự án; cần huy động cả hệ thống chính trị của địa phương vào cuộc, không được để tình trạng dự án chờ mặt bằng, nhất là các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh.

Phối hợp với các chủ đầu tư rà soát, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý dứt điểm các tồn tại liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh thời gian qua; thực hiện nhanh công tác bàn giao mặt bằng đáp ứng tiến độ thi công.

Quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo để hoàn thành việc ký cam kết giải phóng mặt bằng với các chủ đầu tư; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các khó khăn, vướng mắc chậm được giải quyết và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng theo đúng tiến độ, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án.

Chủ động rà soát tình hình thực hiện của từng dự án trên địa bàn, từ đó phân nhóm vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng để kịp thời giải quyết, tháo gỡ, nhất là các dự án của có tính kết nối, liên vùng. Lập danh mục dự án trọng điểm, phân công cụ thể lãnh đạo theo dõi, đôn đốc và trực tiếp chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc. Quan tâm, có giải pháp phù hợp để tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng mang tính chuyên nghiệp, bảo đảm công khai, khách quan.

Tổ chức vận động, tuyên truyền để người dân đồng thuận với việc thu hồi đất triển khai thực hiện dự án. Kiên quyết cưỡng chế, thu hồi đất đối với những trường hợp đã được giải quyết đầy đủ chính sách khi nhà nước thu hồi đất nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất; đồng thời tăng cường kiểm tra, rà soát, phát hiện và xử lý nghiêm minh các trường hợp trục lợi thông qua việc thu hồi đất, đền bù, tái định cư theo quy định.

5.2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu triển khai thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn của các dự

án. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển kịp thời kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 đối với các dự án không giải ngân được, giải ngân không đúng quy định sang các dự án có khả năng giải ngân nhanh, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, cụ thể: Đối với vốn ngân sách địa phương nếu đến hết ngày 30/3/2023 chưa giải ngân kế hoạch; đến hết ngày 30/6/2023 giải ngân dưới 30% kế hoạch; đến hết ngày 15/9/2023 giải ngân dưới 60% kế hoạch; đến hết ngày 15/10/2023 giải ngân dưới 75% kế hoạch; Đối với vốn ngân sách trung ương nếu đến hết ngày 30/6/2023 giải ngân dưới 30% kế hoạch; đến hết ngày 15/9/2023 giải ngân dưới 60% kế hoạch; đến hết ngày 10/11/2023 giải ngân dưới 85% kế hoạch.

Rà soát tình hình thực hiện từng dự án, từ đó phân nhóm các dự án gặp khó khăn vướng mắc về thủ tục đầu tư xây dựng, đấu thầu; nhóm các dự án vướng mắc về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng; nhóm các dự án vướng mắc về kế hoạch vốn và thủ tục giải ngân; ... kịp thời tham mưu Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết theo thẩm quyền, tháo gỡ kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

5.2.4. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh:

Tiếp nhận hồ sơ, kiểm soát, thanh toán kịp thời cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân; phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, đơn giản thủ tục, rút ngắn thời gian kiểm soát chi, đảm bảo không có hồ sơ kiểm soát chi quá hạn trong tiếp nhận cũng như trong xử lý theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán tạm ứng vốn đầu tư.

Tổng hợp tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ hàng tháng của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính đảm bảo số liệu giải ngân vốn đầu tư công được Bộ Tài chính công bố hàng tháng sát đúng với số liệu giải ngân thực tế của địa phương.

5.2.5. Các Sở chuyên ngành

Tăng cường cải tiến quy trình, đẩy nhanh tiến độ thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế - dự toán, tập trung nhân lực của các phòng giải quyết các hồ sơ, thủ tục, cấp phép trong thời gian sớm nhất khi nhận đủ hồ sơ. Chủ động giải quyết hoặc tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, nhà thầu theo đúng quy định pháp luật. Rà soát, có giải pháp chấn chỉnh ngay những hạn chế, thiếu sót có liên quan đến công tác tham mưu, quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý các tổ chức tư vấn trên địa bàn; chú trọng kiểm tra trong quá trình thi công và công tác nghiệm thu; làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể đối với những vi phạm trong quản lý đầu tư xây dựng công trình, kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị xử lý những sai phạm theo thẩm quyền.

Triển khai đồng bộ công tác quản lý vật liệu xây dựng từ giai đoạn thăm dò khai thác đến giai đoạn quy hoạch vật liệu xây dựng, cũng như quá trình khai thác và đưa vào sử dụng trên công trường; góp phần thúc đẩy sản xuất kinh

doanh vật liệu xây dựng đảm bảo đúng quy hoạch, phù hợp với thị trường và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Công bố kịp thời các định mức, đơn giá, chỉ số giá xây dựng phù hợp, đầy đủ chủng loại, đặc biệt là các vật tư, vật liệu có biến động giá; góp phần nâng cao chất lượng công trình, nâng cao tính thuận tiện, hiệu quả trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm sớm tháo gỡ các khó khăn về vật liệu xây dựng xây dựng để đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn của các công trình, dự án.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./. *ca*

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT. Tỉnh uỷ (để b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng



ĐU KIẾN PHÂN BỐ ĐTPT NSTW NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án, tiểu dự án thành phần	Tổng vốn kế hoạch năm 2023	Trong đó:							Ghi chú
			Phân bổ cho huyện						Phân bổ cho Sở, ban, ngành	
			Tổng vốn phân bổ huyện	Hướng Hóa	Đakrông	Cam Lộ	Gio Linh	Vĩnh Linh		
	TỔNG CỘNG	192.739	190.223	94.755	74.079	784	7.057	13.548	2.516	
A	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	192.739	190.223	94.755	74.079	784	7.057	13.548	2.516	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH	37.120	37.120	19.659	11.940	392	3.067	2.062		
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết	22.350	22.350	7.697	12.198	0	0	2.455		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc	91.450	91.450	47.610	33.979	392	2.854	6.615		

TT	Dự án, tiểu dự án thành phần	Tổng vốn kế hoạch năm 2023	Trong đó:						Phân bổ cho Sở, ban, ngành	Ghi chú
			Phân bổ cho huyện							
			Tổng vốn phân bổ huyện	Hướng Hóa	Đakrông	Cam Lộ	Gio Linh	Vĩnh Linh		
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ưu tiên các xã, thôn ĐBKK, gồm: huyện Hướng Hóa có 14 xã và 11 thôn; huyện Đakrông có 11 xã và 02 thôn; huyện Cam Lộ có 01 thôn; huyện Gio Linh có 01 xã; huyện Vĩnh Linh có 02 xã và 02 thôn)	91.450	91.450	47.610	33.979	392	2.854	6.615		
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	12.250	12.250	5.514	4.425	0	0	2.311		
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	12.250	12.250	5.514	4.425	0	0	2.311		
VI	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	25.974	25.974	13.751	11.122	0	1.101	0		

TT	Dự án, tiểu dự án thành phần	Tổng vốn kế hoạch năm 2023	Trong đó:							Ghi chú
			Phân bổ cho huyện						Phân bổ cho Sở, ban, ngành	
			Tổng vốn phân bổ huyện	Hướng Hóa	Đakrông	Cam Lộ	Gio Linh	Vĩnh Linh		
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình	3.595	1.079	524	415	0	35	105	2.516	
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.595	1.079	524	415	0	35	105	2.516	

DỰ KIẾN PHÂN BỐ ĐTPT NSTW NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án, tiểu dự án thành phần	Tổng vốn kế hoạch năm 2023	Trong đó:										Ghi chú	
			Phân bổ cho huyện											Phân bổ cho Sở, ngành, đơn vị
			Tổng vốn phân bổ huyện	Hướng Hóa	Đa Krông	Cam Lộ	Gio Linh	Vĩnh Linh	Triệu Phong	Hải Lăng	Cồn Cỏ			
	TỔNG CỘNG	79.518	76.378	3.000	41.166	3.012	5.500	2.500	2.500	9.700	9.000	3.140		
A	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	79.518	76.378	3.000	41.166	3.012	5.500	2.500	2.500	9.700	9.000	3.140		
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	55.600	55.600		37.600		3.000			6.000	9.000			
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	55.600	55.600		37.600		3.000			6.000	9.000			

TT	Dự án, tiểu dự án thành phần	Tổng vốn kế hoạch năm 2023	Trong đó:										Ghi chú	
			Phân bổ cho huyện											Phân bổ cho Sở, ngành, đơn vị
			Tổng vốn phân bổ huyện	Hướng Hóa	Đa Krông	Cam Lộ	Gio Linh	Vĩnh Linh	Triệu Phong	Hải Lăng	Cồn Cỏ			
+	Huyện nghèo	37.600	37.600		37.600									
+	Xã ĐBKK vùng bãi ngang (gồm: xã Gio Hải huyện Gio Linh; xã Hải An, xã Hải Khê huyện Hải Lăng; huyện đảo Cồn Cỏ)	18.000	18.000				3.000			6.000	9.000			
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	23.918	20.778	3.000	3.566	3.012	2.500	2.500	2.500	3.700		3.140		
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	20.212	20.212	3.000	3.000	3.012	2.500	2.500	2.500	3.700				
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	3.706	566		566							3.140		

**DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**
(Nguồn vốn: Vốn ĐTPT nguồn NSTW)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/Đơn vị	KH năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	95.860	
1	Hỗ trợ thực hiện các đề án	6.009	
a	Hỗ trợ thực hiện chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025 theo QĐ số 1804/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	3.009	Thực hiện theo Chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025
b	Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.000	Thực hiện theo quy định của các chương trình chuyên đề
2	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM	56.476	
-	Huyện Hải Lăng	28.238	
-	Huyện Triệu Phong	28.238	
3	Hỗ trợ các xã theo tiêu chí	33.375	
a	Các xã từ 15 đến 18 tiêu chí	7.875	7 xã
-	Huyện Triệu Phong (03 xã)	3.375	(03 xã: Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu An)
-	Huyện Hải Lăng (01 xã)	1.125	(01 xã: Hải Chánh)
-	Huyện Gio Linh (03 xã)	3.375	(03 xã: Gio Mai, Gio Châu, Hải Thái)
b	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	1.875	01 xã
-	Huyện Đakrông (01 xã)	1.875	(01 xã: Ba Lòng)
c	Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	23.625	63 xã
-	Huyện Hướng Hóa (05 xã)	1.875	(05 xã: Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành)
-	Huyện Đakrông (01 xã)	375	(01 xã: Triệu Nguyên)

TT	Nội dung/Đơn vị	KH năm 2023	Ghi chú
-	Huyện Triệu Phong (14 xã)	5.250	(14 xã: Triệu Đại, Triệu Thuận, Triệu Trạch, Triệu Thành, Triệu Giang, Triệu Phước, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Thượng, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu Độ)
-	Huyện Vĩnh Linh (13 xã)	4.875	(13 xã: Kim Thạch, Vĩnh Thủy, Hiền Thành, Trung Nam, Vĩnh Lâm, Vĩnh Hòa, Vĩnh Tú, Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Chấp, Vĩnh Thái, Vĩnh Hà)
-	Huyện Hải Lăng (12 xã)	4.500	(12 xã: Hải Quy, Hải Quế, Hải Định, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Trường, Hải Ba, Hải Hưng, Hải Lâm, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Dương)
-	Huyện Gio Linh (10 xã)	3.750	(10 xã: Gio An, Phong Bình, Trung Sơn, Trung Hải, Gio Mỹ, Gio Quang, Linh Hải, Gio Sơn, Trung Giang, Gio Việt)
-	Huyện Cam Lộ (07 xã)	2.625	(07 xã: Thanh An, Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyền, Cam Thành,, Cam Chính, Cam Nghĩa)
-	Thị xã Quảng Trị (01 xã)	375	(01 xã: Hải Lệ)

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2023
NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG



Biểu số 1

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2023**

(Kèm theo Báo cáo số ~~17~~ / BC-UBND ngày 21 / 11 / 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Dự kiến KH 2023 (TW thông báo)	Kế hoạch 2023	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.329.012	1.334.012	
A	ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	416.312	416.312	
1	Dự phòng		35.295	
2	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)		91.588	Chi tiết tại biểu số 2
-	Giáo dục - đào tạo		83.262	
-	Khoa học công nghệ		8.326	
3	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)		63.971	
-	Nhiệm vụ quy hoạch		30.000	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện
-	Ưu đãi đầu tư		2.000	
-	Đổi ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương		31.971	Chi tiết tại biểu số 3
4	Cân đối theo tiêu chí (sau khi thực hiện đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh)		225.458	
-	Cấp tỉnh quản lý (60%)		135.275	Chi tiết tại biểu số 4
-	Cấp huyện quản lý (40%)		90.183	Chi tiết tại biểu số 5
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	800.000	800.000	
1	Cấp tỉnh quản lý		410.000	Chi tiết tại biểu số 6
-	Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở		350.000	
-	Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng		50.000	
-	Nguồn thu đấu giá đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo		10.000	
2	Cấp huyện quản lý		390.000	Chi tiết tại biểu số 5
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	40.000	45.000	Chi tiết tại biểu số 7
D	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	72.700	72.700	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện

Dự kiến kế hoạch 2023 được Trung ương thông báo tại văn bản số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Biểu số 2
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2023
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Báo cáo số 297/BC-UBND ngày 21 / 11 / 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD*	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bổ trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
TỔNG CỘNG											
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO					424.837	367.192	365.992	123.228	91.588	
1	Cấp tỉnh					233.960	218.960	217.960	48.506	46.662	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Trường THCS&THPT Côn Tiên, huyện Gio Linh	Gio Linh	2.035m2	21-23	1334/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.900	14.900	14.900	8.592	5.775	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Linh	2.013m2	21-23	1335/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.900	14.900	14.900	9.300	4.780	
-	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	22-24	3840/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	3.550	3.550	3.550	1.500	2.050	
-	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Vĩnh Linh	24 phòng	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	10.000	9.000	3.500	5.500	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Cam Lộ	NHB 972m2, NĐN 800m2	22-24	2385/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của huyện CL	12.000	10.000	10.000	2.500	3.000	
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà	Thiết bị	22-24	4082/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	4.000	4.000	4.000	3.000	657	
-	Trường THPT Triệu Phong, Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	Triệu Phong	1.482m2	22-24	2773/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của huyện TP	10.000	8.000	8.000	2.500	2.700	
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khối phòng học	Đông Hà	GDDN: 1.496m2; NHB, PH	22-24	3833/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	24.414	19.214	19.214	3.614	3.700	+ XSKT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	3835, 3836, 3837/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	104.896	104.896	104.896	11.000	11.800	
-	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	Gio Linh	XD mới 1.840m2, Cải tạo 1.377m2	22-24	4840/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện GL	13.500	11.500	11.500	3.000	2.700	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
-	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	19/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	5.500	5.000	5.000		1.000	
-	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	990m2	23-25	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	6.000	5.000	5.000		1.000	
-	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	930m	23-25	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	6.000	5.000	5.000		1.000	
-	Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đakrông	540m2	23-25	18/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của huyện ĐK	3.300	3.000	3.000		1.000	
2	Cấp huyện					142.500	105.100	104.900	60.400	36.600	
2.1	Huyện Hướng Hóa					18.400	16.000	16.000	9.000	4.700	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Trường mầm non xã A Túc	Hướng Hóa	1430 m2	21-23	3587/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện HH	10.000	9.000	9.000	6.500	2.500	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Trường Tiểu học Hướng Tân, hạng mục: Nhà hiệu bộ, cổng, hàng rào	Hướng Hóa	Nhà hiệu bộ 362m2	22-24	6365/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HH	4.000	3.500	3.500	1.000	700	
-	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hạng mục: Nhà đa năng	Hướng Hóa	398m2	22-24	6363/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HH	1.900	1.500	1.500	700	800	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Trường Mầm non Triệu Sơn, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	2418/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	3.500	2.300	1.200	
-	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	2410/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	3.500	2.200	1.300	
-	Trường Mầm non Triệu Giang, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	2419/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	3.500	2.200	1.300	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Trường THCS Triệu An, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	22-24	2774/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của huyện TP	3.500	3.000	3.000	300	500	
2.6	Huyện Vĩnh Linh					13.800	12.300	12.300	6.200	4.000	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Trường TH&THCS xã Vĩnh Hòa (điểm trường THCS), hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	6 phòng học	21-23	4194/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	3.600	2.600	1.000	
-	Trường Mầm non số 2 Kim Thạch, hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng	Vĩnh Linh	770 m2	21-23	4195/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	3.600	2.600	1.000	
-	Trường Tiểu học Kim Đồng huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Xây dựng tầng 2, 3 phòng học	Vĩnh Linh	3 phòng học	22-24	5049/QĐ-UBND 30/11/2021 của huyện VL	1.800	1.600	1.600	1.000	600	
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
-	Trường Tiểu học Lê quý Đôn, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	27/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	4.000	3.500	3.500		1.400	
2.7	Huyện Gio Linh					13.000	11.800	11.800	6.000	3.900	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Trường mầm non Phong Bình số 1, hạng mục 6 phòng học	Gio Linh	6 phòng học	21-23	4381/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện GL	4.800	4.300	4.300	3.700	600	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Trường THCS thị trấn Gio Linh, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Gio Linh	3 tầng, 1.196m ²	22-24	4841/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện GL	8.200	7.500	7.500	2.300	2.300	
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
	Trường TH&THCS Gio Quang; Hạng mục: Xây mới 01 phòng học, 01 phòng học Tiếng Anh	Gio Linh	170m ²	23-25	15.8/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện GL	1.100	1.000			1.000	
2.8	TX Quảng Trị					9.500	7.300	7.300	4.400	3.200	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	TX Quảng Trị	18 phòng học	21-23	1333/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Tx Q.Trị	9.500	7.300	7.300	4.400	2.900	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh, Hạng mục: Nhà học bộ môn và Nhà đa năng	TX Quảng Trị	1.280m ²	23-25	14/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của của Tx Q.Trị	6.400	4.000			300	
2.9	TP Đông Hà					30.000	11.000	11.000	7.200	4.100	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học đa năng, sân thể thao và các hạng mục phụ trợ khác	Đông Hà	1.796m ²	21-23	2998/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đ.Hà	30.000	11.000	11.000	7.200	3.800	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
	Sân thể dục và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Đông Hà	700m ²	23-25	38/NQ-HĐND 25/6/2021 của TP Đông Hà	1.000	900			300	
II	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ					48.377	43.132	43.132	14.322	8.326	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	Thiết bị	21-23	1338/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	25.616	22.500	22.500	14.322	8.178	
*	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>										
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	Thiết bị	23-25	116/NQ-HĐND 30/8/2021	22.761	20.632	20.632		148	



Biểu số 3

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2023
NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ĐA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG
 (Kèm theo Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số					Trong đó: NSĐP
TỔNG SỐ						876.706	161.195	161.195	134.051	60.963	31.971	
1	Y tế, dân số và gia đình											
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											
-	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	XD&CT các TYT; Cung cấp TTBYT Đào tạo ĐNNLYT tuyến cơ sở	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.042	31.035	31.035	26.270	18.444	4.000	
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản											
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL	PH&PT rừng ven biển (7.917 ha), tạo lợi ích bền vững từ RVB	2019-2026	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019; 286/QĐ-BNN-QHQT ngày 21/01/2019	248.443	72.982	72.982	64.684	26.229	18.000	
3	Giao thông											
	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>											
-	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	Xây dựng 99,92 km đường; Bảo dưỡng 2.459km; XD, nập cấp, cải tạo 52 cầu	2016-2022	1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019; 2780/QĐ-UBND ngày 14/10/2019; 971/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	219.110	16.110	16.110	3.960	2.989	971	
4	Du lịch											
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											
-	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	BT&D; hệ thống xử lý nước thải, VSMT	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	39.137	13.301	9.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Côn Cỏ (giai đoạn 2)	Côn Cỏ	Giếng bơm thu nước biển và HTTB xử lý	21-23	116/QĐ-UBND 4/10/2021 của huyện CC	17.171	15.500	15.500	7.000	8.500	+ Vốn NS huyện
11	Hỗ trợ doanh nghiệp										
	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	Hỗ trợ	21-25				4.000	1.000	1.000	+ Vốn đầu giá đất 04 tỷ
12	Quản lý nhà nước										
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đất đai các huyện	VL, HH, ĐK, CL, QT	cải tạo 05 trụ sở và kho lưu trữ	22-24	4469/QĐ-UBND 29/12/2021	3.810	3.810	3.800	1.500	2.300	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	22-24	3839/QĐ-UBND 29/11/2021	30.000	30.000	30.000	9.000	11.000	
-	Hội trường huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ	890 m2	22-24	2409/QĐ-UBND 30/11/2021 của huyện CL	14.600	8.000	8.000	4.500	2.000	+ Vốn NS huyện
-	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Triệu Nguyên	Đakrông	990,6 m2	22-24	4275/QĐ-UBND 19/11/2021 của huyện ĐK	7.300	6.500	6.500	3.000	2.000	+ Vốn NS huyện
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	Đông Hà	Cải tạo	22-23	1874/QĐ-UBND 18/7/2022	2.500	2.500	2.500		2.500	
-	Nhà công vụ huyện Đakrông	Đakrông	500 m2	23-24	15/NQ-HĐND 30/6/2021 của huyện ĐK	5.000	4.500	4.500		2.000	+ Vốn NS huyện
13	Ngành, lĩnh vực khác										
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại							12.000	5.500	3.500	



Biểu số 05

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH 2023

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 21 / 11 / 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2023	Trong đó		Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Thu sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	480.183	90.183	390.000	
1	Thành phố Đông Hà	139.390	7.390	132.000	
2	Thị xã Quảng Trị	26.314	6.314	20.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	80.168	10.168	70.000	
4	Huyện Hướng Hóa	27.928	12.928	15.000	
5	Huyện Gio Linh	34.982	9.982	25.000	
6	Huyện Đakrông	19.056	11.056	8.000	
7	Huyện Cam Lộ	48.558	8.558	40.000	
8	Huyện Triệu Phong	34.934	9.934	25.000	
9	Huyện Hải Lăng	64.570	9.570	55.000	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	4.283	4.283		



Biểu số 06

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2023
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Báo cáo số 391/BC-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số					Trong đó: NSĐP	
	TỔNG CỘNG						7.443.458	2.571.764	4.031.908	1.484.391	800.000	
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ						7.443.458	2.571.764	1.931.908	631.391	410.000	
I	NGUỒN THU TỪ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ồ						4.938.773	1.975.133	1.674.945	512.476	350.000	
I.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất										52.500	
I.2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất						1.091.626	1.091.626	970.200	267.838	158.400	
1	Công cộng tại các đô thị											
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>											
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2021-2023	2307/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	22.270	22.270	22.000	19.850	2.150		
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	223.993	76.000		
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	18,19ha	2022-2025	4640/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	60.800	60.800	60.200	21.000	30.000		
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>											
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	62,58ha	2022-2026	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	546.680	546.680	485.000	2.200	50.000		
-	Công viên đường Hùng Vương	Đông Hà	5,06ha	2024-2025	125/NQ-HĐND ngày 30/8/2020	18.000	18.000	18.000	795	250	CBĐT	
I.3	Bố trí cho các công trình phát triển kinh tế xã hội khác						3.847.147	883.507	704.745	244.638	139.100	
1	Bảo vệ môi trường											
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL	20.400 m2	2022-2024	845/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	14.600	14.600	14.600	3.950	5.010		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSĐP				
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	Gio Linh	750kg/h	2022-2024	129/NQ-HĐND 30/8/2021	8.418	4.000	4.000		2.000	
2	Giao thông										
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	2020-2023	2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020; 2940/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	63.502	63.502	49.100	44.200	4.900	
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4 km	2021-2023	4047/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	9.860	9.860	9.500	9.300	200	
-	Cầu Bến Lợi, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	45m	2021-2023	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	18.000	11.000	7.000	
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 1) đi ĐT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh	3253,2m	2021-2022	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	6.500	4.200	2.300	
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà	Đông Hà	610 m	2022-2023	3557/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của TP Đông Hà	12.000	10.000	10.000	5.000	2.000	
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	26510 m ²	2022-2024	2999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	20.000	20.000	18.000	10.400	7.600	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, HH	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	150.447	109.323	10.000	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	360 m	2022-2024	304/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của TP Đông Hà	20.000	16.000	16.000		5.000	+ NS thành phố
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	1730m	2022-2024	796/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của TP Đông Hà	19.000	16.000	16.000		6.000	+ NS thành phố

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TP, QT	7,498,35 m	2018-2024	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2639/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	80.000	50.000	45.000	7.175	12.000	
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông	1.500m	2022-2024	3866/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	20.000	20.000	20.000	5.000	7.000	
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	1,5 km	2022-2024	1138/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	56.200	20.000	20.000		7.000	+ NS thành phố
*	Các dự án khởi công mới năm 2023										
-	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	Đông Hà	659m	2022-2025	792/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của TP Đông Hà	89.000	75.000	75.000		14.000	
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu-giai đoạn 1	Đông Hà	910m	2022-2026	2956/QĐ-UBND 17/11/2022	175.000	175.000	81.198	800	7.000	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	1460m	2023-2024	4056/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	15.000	12.000	12.000		4.000	
3	Khu công nghiệp và khu kinh tế										
*	Các dự án hoàn thành năm 2023										
-	Đường kết nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	Triệu Phong, Hải Lăng	23 km	2017-2022	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2019; 1752/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	630.000	13.400	13.400	8.883	4.500	
4	Thương mại										
*	Các dự án hoàn thành năm 2023										
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	7.364m ²	2020-2023	3234/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	10.000	2.000	1.000	407	590	
5	Cấp nước, thoát nước										
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023										
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, ĐK, CL, HL	5.343 hộ dân	2022-2024	4100/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	60.000	60.000	60.000	7.000	12.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSĐP				
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2.857m ²	2020-2023	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 694/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 UBND huyện HL	37.400	15.533	6.000	5.000	1.000	
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	Cam Lộ	1668 m	2021-2023	1444/QĐ-UBND 30/7/2021 của huyện CL	10.000	5.500	5.500	3.000	2.500	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Đông Hà	2000 m ²	2022-2024	3834/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	23.000	23.000	23.000	7.000	4.000	
3	Giao thông										
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4045 m	2021-2023	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 của huyện TP	14.825	14.000	14.000	7.500	6.500	
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	475,55 m	2021-2023	2005/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	5.000	5.000	5.000	4.682	200	
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	472,43m	2021-2023	3000/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	24.000	20.000	17.000	9.700	7.300	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	3061,68 m	2021-2023	3975/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện H.Hóa	13.000	9.100	9.100	3.000	4.000	
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị	945 m	2021-2023	1332/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	5.000	5.000	5.000	3.000	2.000	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	0,36 ha	2022-2024	1417/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	26.800	21.800	21.800		5.000	
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	VL, TP, GL, ĐH	55,7 km	2021-2025	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	416.338	100.480	53.000	1.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSĐP
4	Thương mại										
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Đakrông	910 m2	2021-2022	2716/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.000	3.000	3.000	2.000	1.000	
5	Hỗ trợ doanh nghiệp										
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	Hỗ trợ	22-25				15.000	4.000	4.000	+NSTT 01 tỷ đồng
III	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO					249.660	27.360	14.083	3.033	10.000	
III.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất									1.500	
III.2	Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác					249.660	27.360	14.083	3.033	8.500	
1	Khu công nghiệp và khu kinh tế										
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang (giai đoạn 1)	Gio Linh	1500m3/ ngày đêm	2016-2022	614/QĐ-UBND ngày 29/6/2016; 6078/UBND-CN ngày 31/12/2020	104.000	4.000	3.483	3.033	450	
-	Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2)	Hương Hóa	San nền+ đường	2015-2021	628/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	51.660	14.360	1.600		1.600	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	San nền và HTKT thiết yếu tại Khu vực TTCK Quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đakrông	Bãi xuất 2,45 ha; bãi nhập 0,67 ha	2022-2025	1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	94.000	9.000	9.000		6.450	+Vốn NSTW
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ							2.100.000	853.000	390.000	Chi tiết tại biểu số 5

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSĐP				
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	353,5 m2	20-22	2727/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.300	4.300	1.000	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	22-26	3841/QĐ-UBND 29/11/2021	74.500	56.500	52.630	434	10.000	+ Vốn NSĐP
-	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	22-24	5048/QĐ-UBND 30/11/2021 của huyện VL	4.200	4.000	4.000	1.250	2.000	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
-	Trạm y tế xã Cam Nghĩa	Cam Lộ	460 m2	22-24	2385/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của huyện CL	5.000	4.000	4.000	1.250	2.000	+ Vốn NS huyện
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>										
-	Trạm y tế xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	23-25	12/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	4.200	4.000	4.000		1.500	+ Vốn NS huyện
-	Nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn huyện Hải Lăng (xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quy, Hải Quế, Hải Định)	Hải Lăng	2384 m2	23-25	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của huyện HL	6.500	6.000	6.000		2.000	+ Vốn NS huyện
-	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn TP Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh)	Đông Hà	900 m2	23-25	36/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	9.000	8.000	8.000		2.000	+ Vốn NS Tp
III	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI					143.400	36.033	22.500	8.000	8.500	
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>										

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSĐP
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Nhà 2.857m ²	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	2.000	1.000	1.000	+ Vốn NS huyện
-	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam	Cam Lộ	TN 1258 m; HTĐ 1086 m	21-23	2795/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.500	5.000	500	+ Vốn NS huyện
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
-	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	3.950 m ²	21-24	4606/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện VL	71.000	10.000	10.000	2.000	5.000	+ Vốn NS huyện
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>										
-	Sân vận động huyện Hải Lăng	Hải Lăng	7,7 ha	23-25	08a/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của huyện HL	29.000	5.000	5.000		2.000	+ Vốn NS huyện
IV	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới							30.000	12.000	6.000	
-	Huyện Hải Lăng							7.500	3.000	1.500	
-	Huyện Triệu Phong							7.500	3.000	1.500	
-	Huyện Vĩnh Linh							7.500	3.000	1.500	
-	Huyện Gio Linh							7.500	3.000	1.500	